

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ IMC VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ IMC VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IMC VIET NAM SERVICES, TRADING, PRODUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: IMC VN

2. Mã số doanh nghiệp: 0109244300

3. Ngày thành lập: 29/06/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 176 Trường Chinh, Phường Khương Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 35666232

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
6.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
7.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
8.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
9.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
10.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
11.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
12.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
13.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
14.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
15.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
16.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
17.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
18.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế (Trừ răng giả)	3250
19.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

20.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
21.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
22.	Sản xuất điện Chi tiết: Điện gió Điện mặt trời Điện khác	3511
23.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
24.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
25.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
26.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
27.	Xây dựng nhà để ở	4101
28.	Xây dựng nhà không để ở	4102
29.	Xây dựng công trình điện	4221
30.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
31.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
32.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
35.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại Nhà nước cấm)	4620
36.	Bán buôn thực phẩm	4632
37.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
38.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
39.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh Bán buôn cao su Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại	4669
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210

45.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp,	4781
47.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
48.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
49.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
50.	Hoạt động hậu kỳ	5912
51.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
52.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
53.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
54.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)	6619
55.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
56.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
57.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát địa hình; - Khảo sát địa chất công trình. - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn - Tư vấn quản lý dự án	7110
58.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Không bao gồm hoạt động của phòng thí nghiệm của cảnh sát)	7120

59.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
60.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
61.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
62.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Hoạt động trang trí nội thất (Trừ thiết kế nội thất)	7410
63.	Hoạt động thú y	7500
64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
65.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kinh doanh vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí; trừ hoạt động của đấu giá viên)	4773
66.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
67.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
68.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
69.	Chăn nuôi khác	0149
70.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
71.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
72.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
73.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
74.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
76.	Đào tạo sơ cấp	8531
77.	Đào tạo trung cấp	8532
78.	Đào tạo cao đẳng	8533
79.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Dạy máy tính.	8559
80.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục + Tư vấn giáo dục, + Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, + Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, + Dịch vụ kiểm tra giáo dục, + Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.	8560
81.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
82.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104

83.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
84.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
85.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
86.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
87.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
88.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
89.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng	1079(Chính)
90.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)	4719
91.	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản biển	0321
92.	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Sản xuất giống thủy sản nội địa	0322
93.	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ loại nhà nước cấm)	5629

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	VIỆN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ, TRUYỀN THÔNG VÀ HỖ TRỢ CỘNG ĐỒNG	53 Nguyễn Du, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	132.000	1.320.000.000	66,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	132.000	1.320.000.000	66,000		
2	NGUYỄN THỊ CÚC	A11 TTB Thủy Lợi Chương Dương, Phường Chương Dương, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	32.000	320.000.000	16,000	0301520026 15	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	32.000	320.000.000	16,000		

3	NGUYỄN THỊ BÍCH	Tổ 8 Phù Nghĩa, Phường Lộc Hạ, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	36.000	360.000.000	18,000	161481357
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	36.000	360.000.000	18,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH ĐÌNH CUỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/09/1957

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 024057000231

Ngày cấp: 22/10/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P20-B19, khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: P20-B19, khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội